TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T1 H** **TH1NH PHỐ H1 N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***
Số: 195/2019/QĐST- HNGĐ	*T1 H, ngày 30 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T1 H, TH1NH PHỐ H1 N

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tH1nh ngày 20 tháng 9 năm 2019.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 231/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc yêu C công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu C:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956

Hộ khẩu thường trú: Tổ 41, cụm 3, phường N T, quận T1 H, H1 N; Nơi cư trú: Số 23B, ngõ 416 đường LLQ, phường N T, quận T1 H, H1 N.

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960

Hộ khẩu thường trú: Số 55, đường C H, phường NK, quận BĐ, H1 N; Nơi cư trú: Số 100, ngõ 9, đường ĐT, phường N, quận BĐ, H1 N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn ngày 28/6/1979 tại Ủy ban nhân dân khu phố ĐĐ, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông C, bà T2: Sau khi kết hôn, vợ cHng chung sống hạnh phúc đến năm 1987 ông C đi xuất khẩu lao động tại Liên bang N1. Năm 1991 ông C về nước, đến năm 1993 ông C tiếp tục sang Liên bang N1 lao động. Trong thời gian vợ cHng sống xa cách, ông C đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông bà đã ly thân nhiều năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng và xác định tình cảm vợ cHng không còn, không thể đoàn tụ được nên cùng thuận tình ly hôn. Đơn yêu C công nhận thuận tình ly hôn của ông C, bà T2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông C, bà T2 cùng xác nhận vợ cHng có 02 con chung

là Nguyễn Tố N1 sinh ngày 31/12/1979 và Nguyễn Anh T3 sinh ngày 15/10/1981. Hiện hai con chung đều đã trưởng tH1nh, đã xây dựng gia đình riêng nên ông bà không yêu C Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Ông bà xác định không có, không yêu C Tòa án giải quyết.

[2] Về lệ phí: Ông C tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T2 cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông C, bà T2 có 02 con chung là Nguyễn Tố N1 sinh ngày 31/12/1979 và Nguyễn Anh T3 sinh ngày 15/10/1981. Hiện cả hai đều đã trưởng tH1nh, ông bà không yêu C giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Ông C, bà T2 xác định không có, không yêu C giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn C tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003665 ngày 09/9/2019 của C cục thi H1nh án dân sự quận T1 H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật N1y sau khi được ban H1nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **Thẩm phán**

- Đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận T1 H;
-Lưu H sơ, VP;